TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1702/2023/DS-ST
Ngày: 31/5/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Lũy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước.

2. Bà Nguyễn Hương Thủy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hằng Nga – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 769/2022/TLST–DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1362/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1379/2023/QĐ-HPT ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Trụ sở: 205 N, phường B, Thành phố T, TP HCM

Ủy quyền bà Phạm Thị Xuân Q (Giấy ủy quyền ngày 24 tháng 11 năm 2020).

Bị đơn: Ông Lê Công N sinh năm 1978

Hộ khẩu: Tổ 20, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang

Địa chỉ liên hệ: Căn hộ S Chung cư P, phường B, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Q có đơn xin vắng mặt, ông N vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên Tòa ngày hôm nay bà Phạm Thị Xuân Q là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S tuy vắng mặt nhưng theo nội dung đơn khởi kiện, tại bản tự khai, tại biên bản về việc không tiến hành hòa giải được thì nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Ngày 18/10/2018, ông Lê Công N có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Lê Công N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Lê Công N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 75.278.180 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Lê Công N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 53.645.302 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Lê Công N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Lê Công N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/10/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 31/05/2023, ông Lê Công N còn nợ các khoản sau: nợ gốc là 38.477.038 đồng, lãi quá hạn là 53.721.480 đồng, tổng cộng là 92.198.518 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Lê Công N, yêu cầu ông Lê Công N có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông Lê Công N trả nợ, tuy nhiên ông Lê Công N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án xử buộc ông Lê Công N phải trả nợ cho Ngân hàng, số tiền tạm tính đến ngày 31 tháng 05 năm 2023, nợ gốc 38.477.038 đồng, lãi quá hạn 53.721.480 đồng, tổng cộng là 92.198.518 đồng và ông Lê Công N còn phải trả lãi cho Ngân hàng từ ngày 01 tháng 06 năm 2023 cho đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn ông Lê Công N vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên Tòa án không thu thập được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa có bà Nguyễn Ngọc B - kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Vụ án trên đã được Toà án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết đúng theo trình tự mà Bộ luật

Tố tụng dân sự đã quy định.

Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ và chứng minh công khai tại phiên tòa, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP S và ông Lê Công N là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận, huyện. Bị đơn cư trú tại Thành phố T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Ông Lê Công N là bị đơn trong vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định để ông Lê Công N đến Tòa cung cấp lời khai, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và nghe xét xử nhưng ông Lê Công N vẫn không đến Tòa, không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình và không có lý do, nguyên đơn có đơn xin được vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

2. Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày cũng như yêu cầu của bà Phạm Thị Xuân Q là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án xử buộc ông Lê Công N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S, tạm tính đến ngày 31 tháng 05 năm 2023 nợ gốc 38.477.038 đồng, lãi quá hạn 53.721.480 đồng, tổng cộng là 92.198.518 đồng, ông Lê Công N còn phải tiếp tục trả lãi từ ngày 01 tháng 06 năm 2023 cho đến khi trả dứt nợ. Trả một lần, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, về yêu cầu của Ngân hàng TMCP S, Hội đồng xét xử xét:

[2.1] Ngân hàng TMCP S khởi kiện ông Lê Công N, kèm theo đơn là các tài liệu chứng minh ông Lê Công N có nợ tiền Ngân hàng TMCP S. Tòa án đã triệu tập ông Lê Công N đến Tòa để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên Tòa nhưng ông Lê Công N đều không đến Tòa, không có văn bản phản đối nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi

kiện không thuộc trường hợp phải chứng minh. Ông Lê Công N phải chịu tránh nhiệm về yêu cầu khởi kiện và những tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng TMCP S đưa ra.

[2.2] Căn cứ vào văn bản là giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (áp dụng cho khách hàng cá nhân) ngày 18 tháng 10 năm 2018, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S có chữ ký của ông Lê Công N đã cho thấy ông Lê Công N có đề nghị Ngân hàng TMCP S cấp thẻ tín dụng, Ngân hàng TMCP S đã chấp nhận cấp thẻ tín dụng cho ông Lê Công N và hạn mức được cấp là 40.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất thỏa thuận. Việc thỏa thuận trên giữa Ngân hàng TMCP S và ông Lê Công N là phù hợp quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Đều 91 của Luật các tổ chức tín dụng. Sau khi được Ngân hàng TMCP S cấp thẻ, ông Lê Công N đã tiến hành giao dịch. Trong quá trình giao dịch, ông Lê Công N không thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP S theo như hai bên đã thỏa thuận mặc dù Ngân hàng TMCP S nhiều lần nhắc nhở. Do ông Lê Công N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Lê Công N. Ông Lê Công N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Lê Công N phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP S với số tiền nợ gốc là 38.477.038 đồng là có cơ sở và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

[2.3] Đối với số tiền nợ lãi: Ông Lê Công N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP S đã áp dụng mức lãi suất mà hai bên đã ký để tính lãi, căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Các bên tự nguyện thỏa thuận về mức tiền lãi và được quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng dành cho khách hàng (áp dụng cho khách hàng là cá nhân) ngày 18 tháng 10 năm 2018, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S thì ông Lê Công N phải chịu số tiền lãi đến ngày 31 tháng 5 năm 2023 và tiếp tục trả lãi từ ngày 01 tháng 6 năm 2023 trên số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đề ngày 18 tháng 10 năm 2018 cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền nợ gốc, lãi là có cơ sở, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

[2.4] Về thời gian trả nợ, như phân tích tại [1], [2], và [3] thì ông Lê Công N đã vi phạm thời gian thanh toán nợ. Việc ông Lê Công N vi phạm thời gian thanh toán nợ đã làm ảnh hưởng đến lợi ích của Ngân hàng TMCP S. Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Lê Công N phải trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn có cơ sở không trái pháp luật. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Từ những phân tích tại [2.1], [2.2], [2.3] và [2.4] cho thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là có cơ sở, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức tại phiên tòa hôm nay về nội dung vụ án, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức là có cơ sở.

Về án phí:

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 116, Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc yêu cầu ông Lê Công N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S:

Buộc ông Lê Công N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 92.198.518 đồng trong đó nợ gốc 38.477.038 đồng, lãi quá hạn 53.721.480 đồng. Trả 01 (một) lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại Cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự.

Trường hợp ông Lê Công N chậm trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01 tháng 06 năm 2023 cho đến khi thi hành xong

theo mức lãi suất được quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đề ngày 18 tháng 10 năm 2018 mà hai bên đã ký.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Công N phải chịu là 4.609.926 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[2.2] H lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.138246 đồng mà Ngân hàng TMCP S đã tạm nộp án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0028276 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 2 nay là Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức.

[3] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được tống đạt hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân phường.

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND TP Thủ Đức;
- Chi Cục THADS TP Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu (P/10).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Lũy